

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

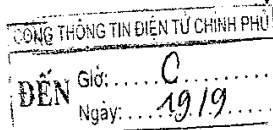
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 59 /2016/QĐ-UBND

An Giang, ngày 07 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý
và sử dụng phí thư viện trên địa bàn tỉnh An Giang**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành khung mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thư viện trên địa bàn tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1143/TTr-STC ngày 31 tháng 8 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thư viện trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng nộp phí:

Các cá nhân có nhu cầu làm thẻ mượn, thẻ đọc tài liệu tại các thư viện trên địa bàn tỉnh An Giang (trừ các đối tượng được miễn thu phí quy định tại Khoản 2 Điều này).

2. Đối tượng miễn thu phí:

Miễn phí thư viện đối với người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật.

3. Đối tượng giảm thu phí:

Giảm 50% mức phí thư viện đối với các trường hợp sau:

a) Các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về “Chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa”. Trường hợp khó xác định là đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg thì chỉ cần có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đối tượng cư trú;

b) Người khuyết tật nặng theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật;

c) Trường hợp người vừa thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa vừa thuộc diện người khuyết tật nặng thì chỉ được giảm 50% mức phí thư viện.

4. Đơn vị thu phí:

a) Thư viện tỉnh;

b) Thư viện các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Mức thu phí thư viện

Đơn vị tính: đồng/thẻ/năm

STT	Nội dung thu	Mức thu	
		Thư viện tỉnh	Thư viện các huyện, thị xã, thành phố
I	Phí thẻ mượn, thẻ đọc tài liệu		
1	Người lớn		
a	Học sinh Trung học phổ thông từ đủ 16 tuổi trở lên, sinh viên	20.000	15.000
b	Các đối tượng còn lại	30.000	20.000
2	Trẻ em (từ dưới 16 tuổi)	10.000	10.000
II	Phí sử dụng phòng đọc đa phương tiện, phòng đọc tài liệu quý hiếm và các phòng đọc đặc biệt khác	40.000	40.000
III	Đối với các hoạt động dịch vụ khác, như: dịch thuật, sao chụp tài liệu, khai thác sử dụng mạng thông tin thư viện trong nước và quốc tế, lập danh mục tài liệu theo chuyên đề, cung cấp các sản phẩm thông tin được xử lý theo yêu cầu bạn đọc, vận chuyển tài liệu cho bạn đọc trực tiếp hoặc qua bưu điện... là giá dịch vụ, thực hiện trên cơ sở thỏa thuận giữa thư viện và bạn đọc có nhu cầu.		

Điều 4. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng

1. Phí thư viện là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước.
2. Đối với đơn vị thu phí chưa được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí cho hoạt động thu phí thì được để lại 90% để trang trải chi phí cho việc thu phí; số còn lại (10%) nộp ngân sách nhà nước.
3. Đối với đơn vị thu phí đã được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí cho hoạt động thu phí thì nộp 100% số phí thu được vào ngân sách nhà nước.
4. Chứng từ thu, chế độ tài chính, kế toán, quản lý và sử dụng phí thư viện thực hiện theo Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí, lệ phí và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ, Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí, Thông tư số 45/2006/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002, Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Đơn vị thu phí thư viện:
 - a) Tổ chức thu, nộp phí thư viện trên địa bàn tỉnh An Giang theo đúng Quyết định này.
 - b) Niêm yết và thông báo công khai mức thu phí tại địa điểm thu, khi thu phí phải cấp biên lai thu cho đối tượng nộp phí theo quy định, đăng ký với cơ quan thuế để sử dụng và quyết toán biên lai thu theo quy định hiện hành.
 - c) Mở sổ sách kế toán để theo dõi, phản ánh việc thu, nộp, quản lý và sử dụng số tiền phí theo chế độ hiện hành.
 - d) Tổng hợp báo cáo tình hình thu phí thư viện trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định.
2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:
 - a) Chỉ đạo các đơn vị tổ chức thực hiện thu phí thư viện theo quy định.
 - b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn cụ thể các đối tượng miễn và giảm thu phí thư viện tại Điều 2 của Quyết định này.
 - c) Phối hợp với cơ quan thuế kiểm tra, thanh tra theo quy định.
3. Sở Tài chính:
 - a) Có trách nhiệm tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thư viện trên địa bàn tỉnh; đồng thời tổng hợp các kiến nghị, đề

xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

b) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn cụ thể các đối tượng miễn và giảm thu phí thư viện tại Điều 2 của Quyết định này.

4. Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm bảo đảm chứng từ phục vụ cho công tác thu của cơ quan thu phí; hướng dẫn việc kê khai, thu, nộp, mở sổ sách, chứng từ kế toán và quyết toán phí theo quy định; đồng thời kiểm tra, thanh tra theo quy định.

5. Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn cơ quan thu phí các thủ tục liên quan đến việc mở tài khoản, nộp và quản lý phí thu được theo quy định.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị tổ chức thực hiện thu phí thư viện theo quy định. Phối hợp với cơ quan thuế kiểm tra, thanh tra theo quy định.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 9 năm 2016 và thay thế Quyết định số 1524/2004/QĐ-UB ngày 10 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành mức thu và sử dụng phí thư viện.

Điều 7. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận: /

- Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo, Đài PTTH, Website An Giang;
- Lưu: VT, P.KTTH, TT.Công báo - Tin học.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Nưng